

Số: 05/2024/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 191/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 2002;
Nơi cư trú: **xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

2. Bị đơn: **Anh Phan Viết V**, sinh năm 1997;
ĐKTT: **xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.**

Nơi ở hiện nay: **xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

- Căn cứ vào Điều 146; Điều 147, Điều 212, Điều 213, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Nguyễn Thị T** và anh **Phan Viết V**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị Nguyễn Thị T** và anh **Phan Viết V** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân

giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Phan Viết V** chấm dứt kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật.

- **Về con chung:** Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Phan Viết V** đều xác định có 01 con chung là **Phan Thị Linh Đ**, sinh ngày 30/11/2021. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Chị **Nguyễn Thị T** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con **Phan Thị Linh Đ**, sinh ngày 30/11/2021 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh **Phan Viết V** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung **Phan Thị Linh Đ**, sinh ngày 30/11/2021 là **3.000.000đ**(Ba triệu đồng)/ tháng đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* **Về Thời điểm cấp dưỡng nuôi con: Tính từ ngày 01/02/2024.**

Mức cấp dưỡng có thể thay đổi theo thời giá thị trường tại thời điểm các bên thực hiện việc cấp dưỡng và nuôi con. Nếu các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng tại thời điểm các bên phải thực hiện thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị **T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh **V** không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng anh **V** còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 về lãi suất trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* **Quyền đi lại thăm nom con chung:** Anh **Phan Viết V** có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung:** Chị **T** và anh **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về án phí:** Chị **Nguyễn Thị T** tự nguyện nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước và 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con (được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp), theo biên lai thu số **0007048 ngày 15 tháng 12 năm 2023** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 2021 xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Hồng Thái

